TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Những
2. Bà Phạm Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Tấn Tr, sinh năm: 1968; Địa chỉ: thị trấn B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Công B, sinh năm: 1970 và bà Phạm Thị M, sinh năm: 1970, địa chỉ: xã Tân L, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Tấn Tr trình bày:

Nguyên vào ngày 22/5/2020 tôi có cho ông Trần Công B và bà Phạm Thị M mượn số tiền là 89.000.000đ, hai bên có làm biên nhận và hẹn trả ngày 22/8/2020. Nhưng đến hạn thì ông B và bà M không thực hiện trả như đã thỏa thuận mà cứ hứa hẹn mà vẫn không trả.

Do đó nay ông Tr yêu cầu ông Trần Công B và Phạm Thị M phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông một lần trong hạn một tháng là hoàn tất số nợ trên, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Công Bình và Phạm Thị M phải liên đới trả số tiền nợ gốc là 89.000.000đ và không yêu cầu tính lãi

Bị đơn ông Trần Công B và bà Phạm Thị M đã được Tòa án tống đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng ông B, bà M tiếp tục vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, gồm có: "biên nhận nợ ngày 22/5/2020 có tên và chữ ký của ông Trần Công B và bà Phạm Thị M; Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Đỗ Tấn Tr, yêu cầu bị đơn ông Trần Công B và Phạm Thị M phải liên đới trả số tiền vay còn nợ là 89.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng dân sự cụ thể là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn là ông Trần Công B và bà Phạm Thị M đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Do không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nội dung của vụ án:

[4.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 89.000.000 đồng của nguyên đơn ông Đỗ Tấn Tr: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 22/5/2020, có tên và chữ ký của ông Trần Công Bình và bà Phạm Thị M. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các

đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có đủ căn cứ xác định chử ký của bị đơn là ông Trần Công B và bà Phạm Thị M là chứng cứ chứng minh ông B và bà M còn nợ ông Tr số tiền vay 89.000.000 đồng. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ...bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tiền, Do quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm thời hạn thanh toán. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn Tr là phù hợp

[4.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Trần Cong Bình và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn Tr đối với ông Trần Công B và bà Phạm Thị M

Buộc ông Trần Công B và bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Tấn Tr số tiền nợ là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Trần Công B và bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) nộp ngân sách Nhà Nước.

Hoàn lại cho ông Đỗ Tấn Tr số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010581 ngày 22/2/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Tấn Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Công B và bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- CCTHADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khởi